

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Kinh doanh thương mại

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Kinh doanh thương mại

Mã số: 7340121

Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành theo quyết định số 685/ĐHKTKTCN ngày 14/08/2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Công nghiệp)*

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực Kinh doanh thương mại chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như có khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề thuộc về lĩnh vực kinh doanh thương mại trong doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.

PO2: Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân, tư duy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, định hướng phát triển nghề nghiệp cũng như tuân thủ đạo đức nghề nghiệp

PO3: Thể hiện được kỹ năng làm việc nhóm, khả năng tự học và giao tiếp hiệu quả trong các công việc chuyên môn về kinh doanh thương mại và các hoạt động nghề nghiệp khác

PO4: Có năng lực thiết kế, tổ chức vận hành cũng như phân tích, đề xuất cải tiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng và thị trường lao động

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh doanh thương mại khả năng:

PLO1. Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, pháp luật trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO2. Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý kinh tế trong bối cảnh của tổ chức, doanh nghiệp

PLO3. Vận dụng các kiến thức cơ bản về kinh tế trong việc lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức hoạt động kinh doanh tại các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức.

PLO4. Tổng hợp tình hình kinh doanh, đánh giá và cải thiện các hoạt động kinh doanh một cách có hiệu quả

PLO5. Ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ trong hoạt động chuyên môn về kinh doanh thương mại

Định hướng đào tạo: Kinh doanh thương mại (Modul 1)

PLO 6.01. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành kinh doanh thương mại để tổ chức và thực hiện cũng như đề xuất cải tiến các hoạt động kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp.

Định hướng đào tạo: Thương mại điện tử (Modul 2)

PLO 6.02. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành thương mại điện tử để tổ chức và thực hiện cũng như đề xuất cải tiến các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử.

Định hướng đào tạo: Kinh doanh quốc tế (Modul 3)

PLO 6.03. Vận dụng các kiến thức chuyên ngành kinh doanh quốc tế để tổ chức và thực hiện cũng như đề xuất cải tiến các hoạt động kinh doanh quốc tế trong các doanh nghiệp

PLO7. Có khả năng sử dụng ngoại ngữ Tiếng Anh vào các hoạt động liên quan đến công tác kinh doanh (đạt bậc 3/6 Khung năng lực NN Việt Nam)

PLO8. Có khả năng làm việc nhóm, phát hiện vấn đề, và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh

PLO9. Có kỹ năng giao tiếp, viết báo cáo, thuyết trình chuyên môn trong công việc

PLO10. Có khả năng định hướng nghề nghiệp và khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh

PLO11. Tự chủ trong công việc, đưa ra ý kiến chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân, chịu trách nhiệm với những vấn đề được đưa ra cũng như tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (*theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDDT-BTTTT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (*theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT*) và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Kinh doanh thương mại Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp có thể đảm nhận tốt các vị trí công việc tại các cơ quan, doanh nghiệp như sau:

Nhóm 1: Làm việc tại các doanh nghiệp:

+ Quản trị viên thương mại, vị trí trong bộ phận kinh doanh, quản lý kinh doanh, quản lý khách hàng, điều hành kinh doanh, kinh doanh xuất nhập khẩu, phát triển thị trường, bộ phận kho vận;

+ Làm tại các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Quản lý và giám sát bán hàng, bộ phận nghiên cứu và phát triển;

+ Chuyên viên kinh doanh tại các công ty đa quốc gia; Chuyên viên tại các công ty kinh doanh ngoại tệ; Chuyên viên phụ trách các nhãn hàng quốc tế

Nhóm 2: Làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước:

+ Làm tại các cơ quan đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức thương mại quốc tế: Bộ phận phát triển thương mại quốc tế, tham tán thương mại, tùy viên thương mại;

+ Làm tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương: Làm ở các vị trí như hoạch định chính sách thương mại, quản lý khối các doanh nghiệp thương mại

Nhóm 3: Nghiên cứu và giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu: Làm tại các viện nghiên cứu các trường đại học, cao đẳng: Giảng dạy và nghiên cứu các lĩnh vực thương mại.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Tiếp tục học tập ở bậc cao hơn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và có điều kiện liên thông sang các ngành đào tạo khác;

- Tự nghiên cứu, học tập, bổ sung các tri thức và kỹ năng còn thiếu nhằm đáp ứng với yêu cầu của vị trí công tác và quy hoạch phát triển nhân sự ở đơn vị công tác.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT												
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6.01	PLO 6.02	PLO 6.03	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
	Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo đại học ngành Kinh doanh thương mại của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để thiết kế và tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu công việc. Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực Kinh doanh thương mại chất lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong nước và quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp sẽ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng cũng như có khả năng tự học, đổi mới sáng tạo, khả năng giao tiếp, tư duy khởi nghiệp và tuân thủ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	x	x	x	x	x								
PO2												x	x
PO3									x	x	x		
PO4			x	x		x	x	x					

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ (Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
 - Phân lý thuyết 70 tín chỉ
 - Phần thực hành, thực tập, đồ án 19 tín chỉ
 - Khoá luận tốt nghiệp 09 tín chỉ

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10, Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) (chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)			38		
	1.1. Lý luận chính trị		11		
001535	1. Triết học Mac-Lênin	LLCT&PL	3	(33,24,90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21,18,60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18,60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		2		
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26,8,60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		6		
002378	1. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36,18,60)	x
001102	2. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36,18,60)	x
	1.4. Ngoại ngữ		16		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	x
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	x
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	x
	1.5. Kiến thức bổ trợ		3		
002129	1. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002151	2. Kỹ năng nhận thức bản thân	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
002239	3. Kỹ năng nghề nghiệp - KDTM	TM	1	(15, 0, 30)	x
	1.6. Giáo dục thể chất	GDTC	4		
000718	1. Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	x
000719	2. Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	x
000739	3. Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	x
000740	4. Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	x
	1.7. Giáo dục quốc phòng	GDTC	8		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDTC	3	(37, 16, 0)	x
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDTC	2	(22, 16, 0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDTC	1	(7, 16, 0)	x
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDTC	2	(4, 56, 0)	x
2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			98		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		28		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		22		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26,8,60)	x
000681	3. Lý thuyết hạch toán kế toán	KTKT	3	(39,12,90)	x
001201	4. Quản trị học	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001109	5. Tài chính – Tiền tệ	TCNH&BH	3	(39,12,90)	x
001717	6. Kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(39,12,90)	x
001337	7. Luật thương mại	TM	3	(39,12,90)	x
001334	8. Kinh tế thương mại	TM	3	(39,12,90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (chọn 6 tín chỉ)		6		
	<i>Tự chọn 1(Chọn 1 học phần)</i>				
000519	1. Văn hóa kinh doanh	TM	2	(26,8,60)	x
000563	2. Kinh tế quốc tế	TM	2	(26,8,60)	
	<i>Tự chọn 2(Chọn 1 học phần)</i>				
001269	3. Nguyên lý thống kê và thống kê kinh doanh	DLKS	2	(26,8,60)	x
001619	4. Kế toán quản trị	KTKT	2	(26,8,60)	
	<i>Tự chọn 3(Chọn 1 học phần)</i>				
000456	5. Kinh tế đầu tư	TM	2	(26,8,60)	
000566	6. Lịch sử các học thuyết kinh tế	TM	2	(26,8,60)	x
	2.2. Kiến thức chung của ngành		42		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		23		
001370	1. Quản trị chuỗi cung ứng	TM	3	(39,12,90)	x
001104	2. Marketing căn bản	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
002373	3. Tiểu luận 1: Dự báo thị trường	TM	2	(0,120,0)	x
002827	4. Nghiệp vụ bán hàng	TM	3	(39,12,90)	x
001388	5. Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
001422	6. Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	TM	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001288	7. Thương mại điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001390	8. Kỹ thuật dự báo thị trường	TM	3	(39,12,90)	x
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 12 tín chỉ)		12		
	<i>Tự chọn 1(Chọn 1 học phần)</i>				
001715	1. Hệ thống thông tin quản lý	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001714	2. Quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(39,12,90)	
	<i>Tự chọn 2 (Chọn 1 học phần)</i>				
001116	3. Phân tích tài chính doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39,12,90)	
001389	4. Phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 3(Chọn 1 học phần)</i>				
001713	5. Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế	QT&MAR	3	(39,12,90)	
001421	6. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	3	(39,12,90)	x
	<i>Tự chọn 4(Chọn 1 học phần)</i>				
001387	7. Tin ứng dụng trong KDTM	TM	3	(39,12,90)	x
001711	8. Thực hành quản trị doanh nghiệp thương mại	TM	3	(0,90,90)	
	2.2.3. Kiến thức bổ trợ		7		
002691	9. Thực hành phân tích hoạt động kinh doanh trong DNTM		2	(0,60,60)	x
001478	10. Thực hành nghiệp vụ kinh doanh XNK	TM	3	(0,90,90)	x
002355	11. Thực hành nghiệp vụ bán hàng	TM	2	(0,60,60)	x
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng (chọn theo Modul)		28		
	2.3.1. Modul 1: Kinh doanh thương mại		28		
001707	1.Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh trong DNTM	TM	2	(0,120,0)	x
001423	2.Quản lý quan hệ khách hàng	TM	3	(39,12,90)	x
001333	3.Marketing thương mại	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001475	4. Logistics	TM	3	(39,12,90)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL, Tự học)	Ghi chú
001425	5. Thực hành Quản trị tài chính trong DNTM	TM	3	(0,90,90)	x
001877	Thực tập cuối khóa ngành KDTM	TM	5	(0/300/0)	x
001875	Khóa luận tốt nghiệp ngành KDTM	TM	9	(0/540/0)	
001481	1. Xây dựng và phát triển thương hiệu	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
002060	2. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
001335	3. Lập và quản lý dự án đầu tư	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
	2.3.2. Modul 2: Thương mại điện tử		28		
002084	1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh TMĐT	TM	2	(0,120,0)	x
002692	2. Quản trị bán lẻ điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001701	3. Thiết kế và triển khai website	TM	3	(39,12,90)	x
001702	4. Thanh toán điện tử	TM	3	(39,12,90)	x
001341	5. Thực hành Thương mại điện tử	TM	3	(0,90,90)	x
001877	Thực tập cuối khóa ngành KDTM	TM	5	(0/300/0)	x
001875	Khóa luận tốt nghiệp ngành KDTM	TM	9	(0/540/0)	
001703	1. Khai thác dữ liệu trên mạng Internet	TM	3	(39,12,90)	x
001967	2. Marketing thương mại điện tử	QT&MAR	3	(39,12,90)	x
001698	3. Thương mại di động	TM	3	(39,12,90)	x
	2.3.3. Modul 3: Kinh doanh quốc tế		28		
002369	1. Tiểu luận 2: Xây dựng kế hoạch kinh doanh	TM	2	(0,120,0)	x
002440	2. Kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002416	3. Thương hiệu trong kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002060	4. Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002693	5. Thực hành nghiệp vụ thanh toán quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
001877	Thực tập cuối khóa ngành KDTM	TM	5	(0/300/0)	x
001875	Khóa luận tốt nghiệp ngành KDTM	TM	9	(0/540/0)	
002578	1. Marketing quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002415	2. Quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x
002694	3. Chính sách thương mại quốc tế	TM	3	(39,12,90)	x

Chú ý: Đánh dấu “x” vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

- Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
- Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
- Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTCTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
 - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
 - Học tập: 15 tuần
 - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ tết: 2 tuần.
 - Sinh hoạt lớp, LD công ích: 1 tuần.

- Học tập: 15 tuần
- Thi học kỳ, dự trữ:
- Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
 - Nghỉ hè.
 - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
 - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
 - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

- Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.
- Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long